HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 51/2022/NQ-HĐND	*Yên Bái, ngày 09 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức hỗ trợ một số nội dung chi sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn tỉnh Yên Bái

Người ký: Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND
Email: vpddbqh_hdnd@yenbai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Yên Bái
Thời gian ký: 26.12.2022 09:54:58 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHOÁ XIX - KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 124/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức hỗ trợ một số nội dung chi sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 216/BC-KTNS ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ một số nội dung chi thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025.

b) Các nội dung chi, mức chi không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha;

b) Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2. Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

a) Chi mua sắm thiết bị đài truyền thanh xã: mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/đài truyền thanh xã theo dự toán được duyệt và không quá một (01) lần/giai đoạn.

b) Chi sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đài truyền thanh xã: mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/đài truyền thanh xã theo dự toán được duyệt và không quá một (01) lần/giai đoạn.

c) Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện: hỗ trợ theo thực tế phát sinh và các quy định hiện hành, mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/huyện.

3. Hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn: hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện theo dự án được duyệt, mức hỗ trợ không quá 1.000 triệu đồng/mô hình.

4. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức

a) Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng nguyên liệu tập trung phục vụ xuất khẩu (*lần đầu*), mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng cho các cá nhân, tổ chức;

b) Hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng nguyên liệu tập trung phục vụ tiêu thụ nội địa (*lần đầu*), mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng cho các cá nhân, tổ chức;

c) Hỗ trợ 100% chi phí truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh *(lần đầu)*, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng cho các cá nhân, tổ chức.

5. Hỗ trợ các dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

Hỗ trợ 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn xã khu vực 3; hỗ trợ 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn xã khu vực 2; hỗ trợ 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của chương trình. Mức hỗ trợ không quá 3.500 triệu đồng cho một (01) dự án, kế hoạch liên kết.

6. Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp: hỗ trợ 50% tổng kinh phí, mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng cho một (01) cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

a) Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ rà soát, công nhận các làng nghề truyền thống;

Hỗ trợ khôi phục, bảo tồn các làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền;

Hỗ trợ phát triển các làng nghề truyền thống đã được công nhận đang hoạt động tốt có khả năng lan tỏa sang các khu vực khác.

b) Mức hỗ trợ: 50% dự toán kinh phí được duyệt, mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng cho một (01) dự án.

8. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền: hỗ trợ 70% dự toán được duyệt, mức hỗ trợ không quá 3.000 triệu đồng cho một (01) điểm du lịch nông thôn hoặc sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng miền.

9. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

a) Mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá một (01) lần trong giai đoạn và tối đa:

Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng;

Trung tâm Truyền thông - Văn hóa cấp huyện: 500 triệu đồng;

Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng;

Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 50 triệu đồng.

b) Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho một (01) lần trong giai đoạn và tối đa:

Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/01 tủ sách;

Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách;

Tủ sách thôn: 10 triệu đồng/tủ sách.

c) Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn. Mức hỗ trợ tối đa:

Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm;

Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn là 5 triệu đồng/01 năm.

10. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khoá XIX - Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Tạ Văn Long

